

HOẠT ĐỘNG THỰC HIỆN BIỆN PHÁP TRÁNH THAI VÀ PHÁ THAI

Báo cáo 3; 6; 9 và 12 tháng

T T	Tên cơ sở y tế	Số mới thực hiện biện pháp tránh thai hiện đại							Phá thai				
		Tổng g số	Trong đó						Tổng g số	Trong đó			Trđ: Số phá thai tuổi VTN
			DCT C	Thuốc tránh thai		Triệt sản		Biệ n phá p khá c		Số phá thai ≤7 tuần	Số phá thai trên 7- ≤12 tuần	Số phá thai trên 12 tuần	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ												
I	Tuyến huyện												
1													
2													
3													
...													
I I	Trạm y tế												
1													
2													
3													
...													

Mục đích: Phản ánh kết quả hoạt động cung cấp dịch vụ chăm sóc phụ nữ nói chung và CSSKSS nói riêng của huyện. Đánh giá công tác tuyên truyền vận động các cặp vợ chồng chấp nhận biện pháp tránh thai.

Thời gian báo cáo: 3 tháng; 6 tháng; 9 tháng và 12 tháng (cả năm).

Cách tổng hợp và ghi chép:

Biểu 7/BCH

Cột 1: Đánh số thứ tự của các cơ sở cung cấp dịch vụ SKSS

Cột 2: Tên cơ sở, ghi tên các cơ sở cung cấp dịch vụ khám, chữa phụ khoa, KHHGĐ và phá thai. Đầu tiên ghi tên của các cơ sở y tế tuyến huyện như: Bệnh viện huyện, nhà hộ sinh, PKĐK... Sau đó ghi tên các trạm y tế xã trong huyện.

Cột 3 đến cột 9: Ghi số người mới thực hiện biện pháp tránh thai trong kỳ báo cáo vào các cột tương ứng

Cột 10: Ghi tổng số phá thai.

Cột 11: Ghi số phá thai khi tuổi thai mới được ≤ 7 tuần.

Cột 12: Ghi số phá thai khi tuổi thai được trên 7 tuần đến ≤ 12 tuần.

Cột 13: Ghi số phá thai đã được trên 12 tuần.

Cột 14: Ghi những trường hợp là vị thành niên đến các cơ sở y tế phá thai vào các dòng tương ứng với các cơ sở y tế. Vị thành niên được tính từ 10 đến 19 tuổi.

Nguồn số liệu: Báo cáo của trạm y tế, báo cáo của khoa sản bệnh viện, nhà hộ sinh, khoa CSSKSS huyện, phòng khám có cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh phụ khoa và nạo phá thai.